

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Dược Lâm Đồng - LADOPHAR

Ngày 30/09/2025	10,700 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	-0.9%	-

DT thuần Q3/25
59.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 9.20 18.3%
YoY: ▲ 6.10 11.4%

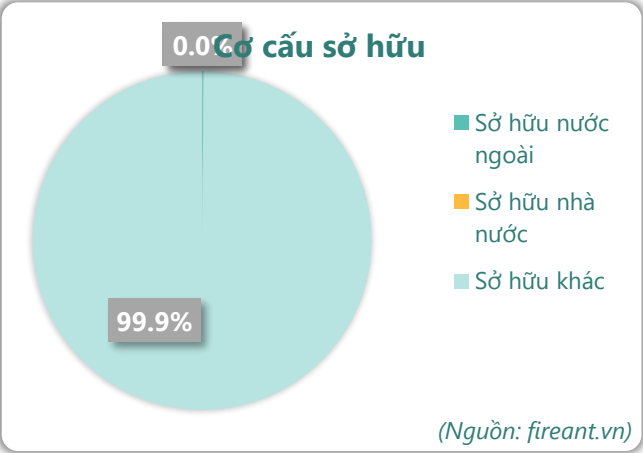
LN thuần Q3/25
3.73
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.55 216%
YoY: ▲ 1.69 82.8%

LN sau thuế Q3/25
3.74
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.52 206%
YoY: ▲ 1.78 90.8%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
8.4%
YoY: +/-▲ 6.0%

ROE (TTM) Q3/25
8.7%
YoY: +/-▲ 1.5%

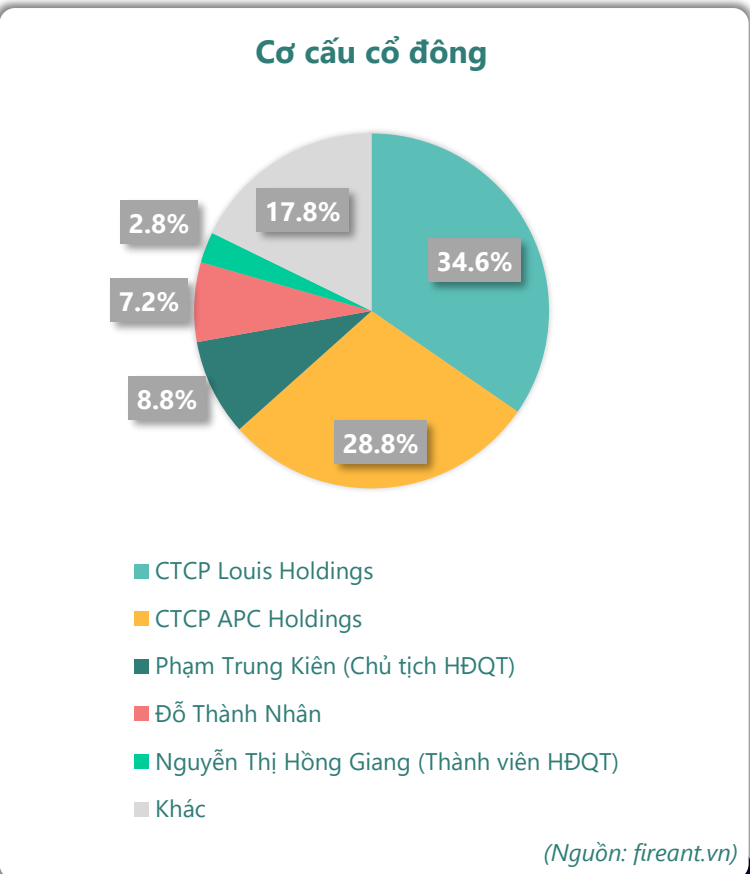
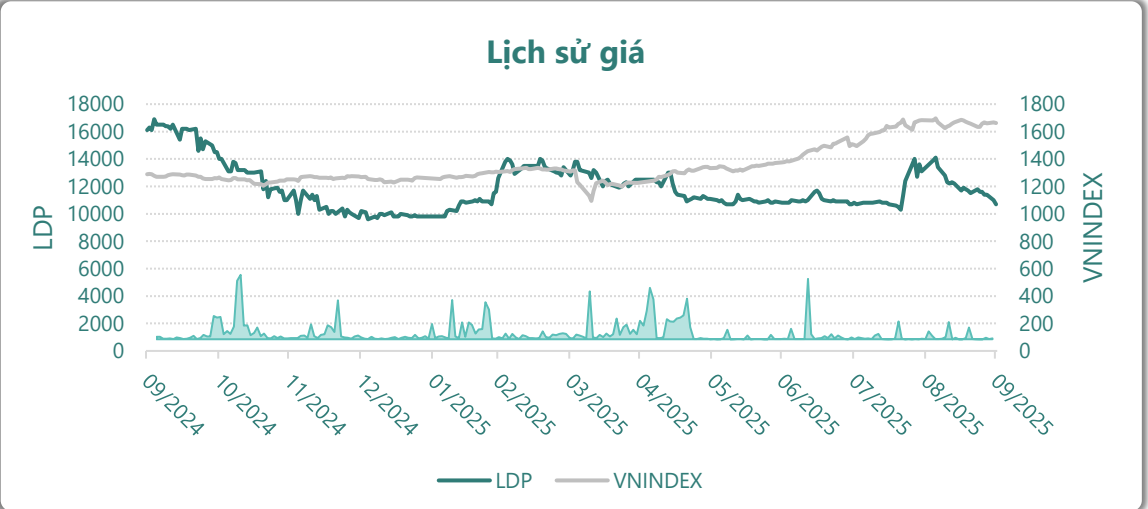
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	9,600 - 16,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	143
Số lượng CPLH (CP)	13,338,135
KLGD BQ 20 phiên (CP)	80,160
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.10
EPS	675
P/E	15.9



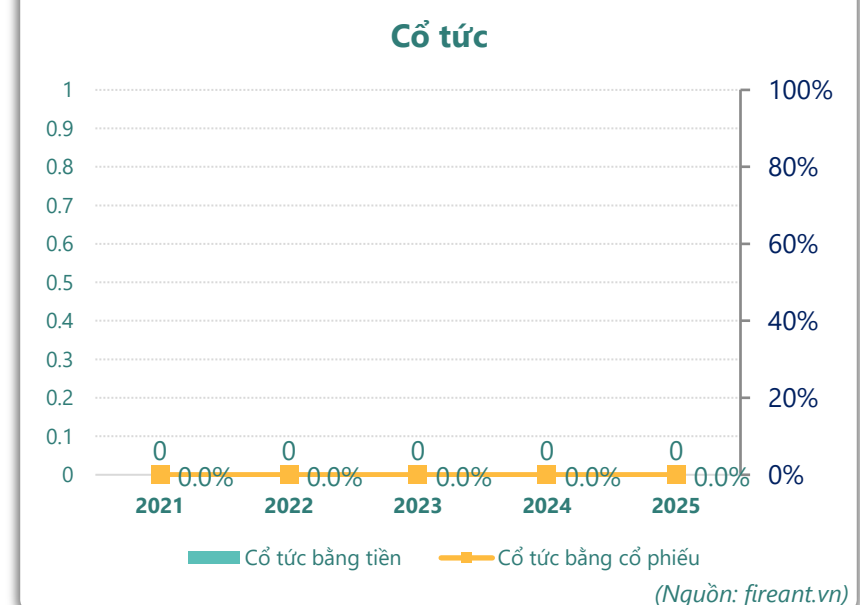
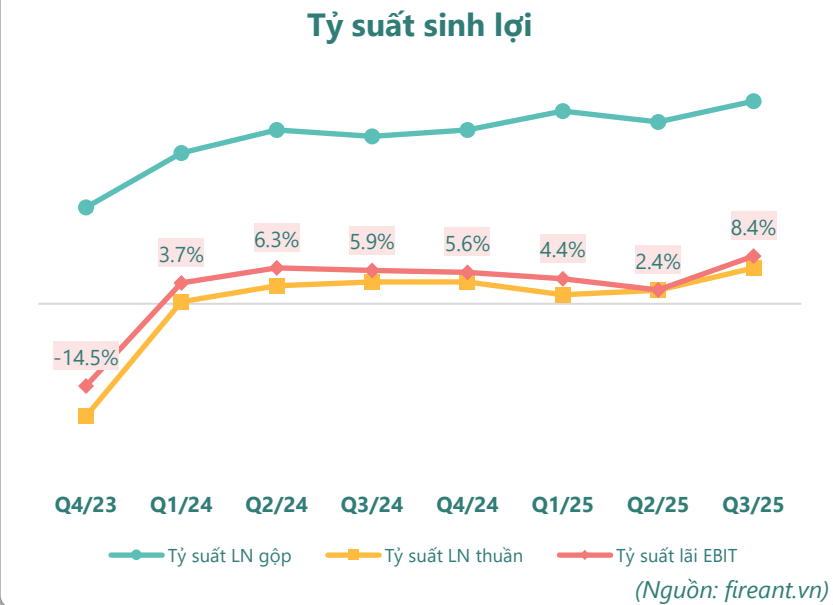
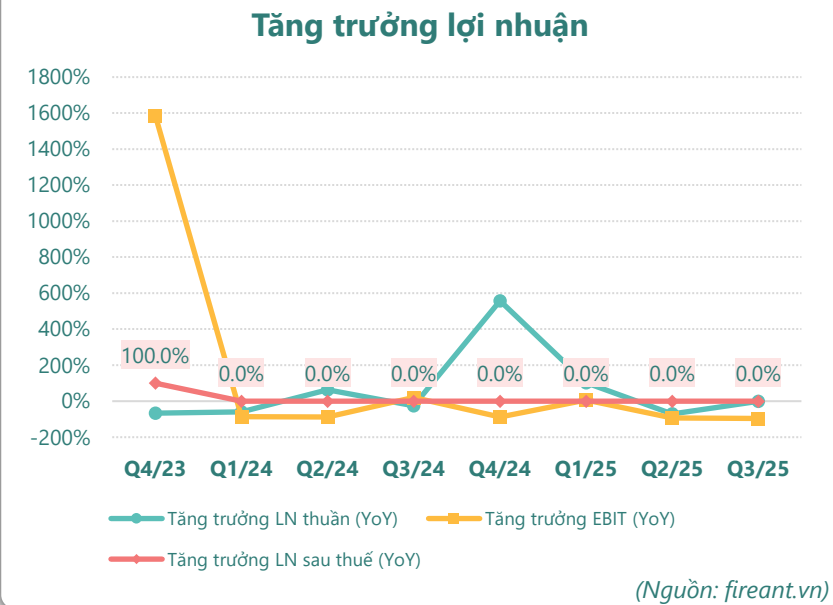
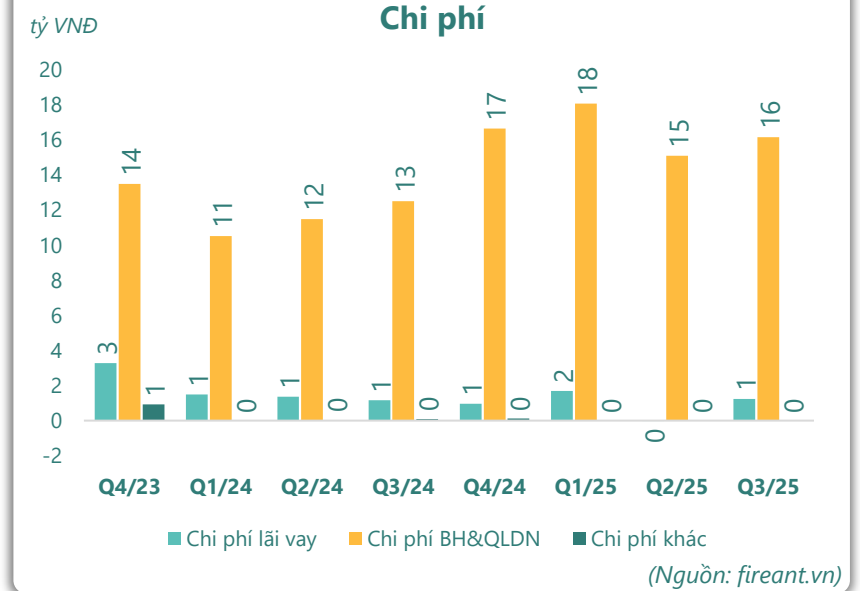
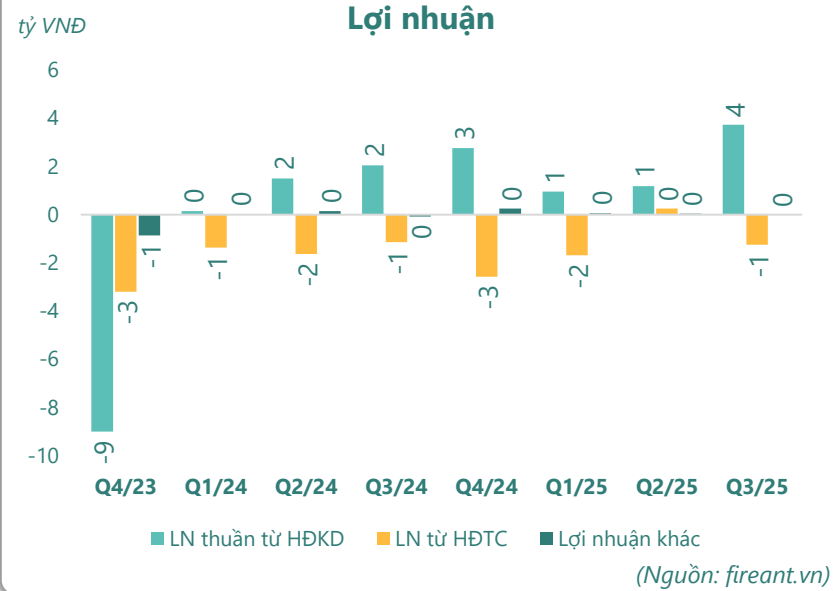
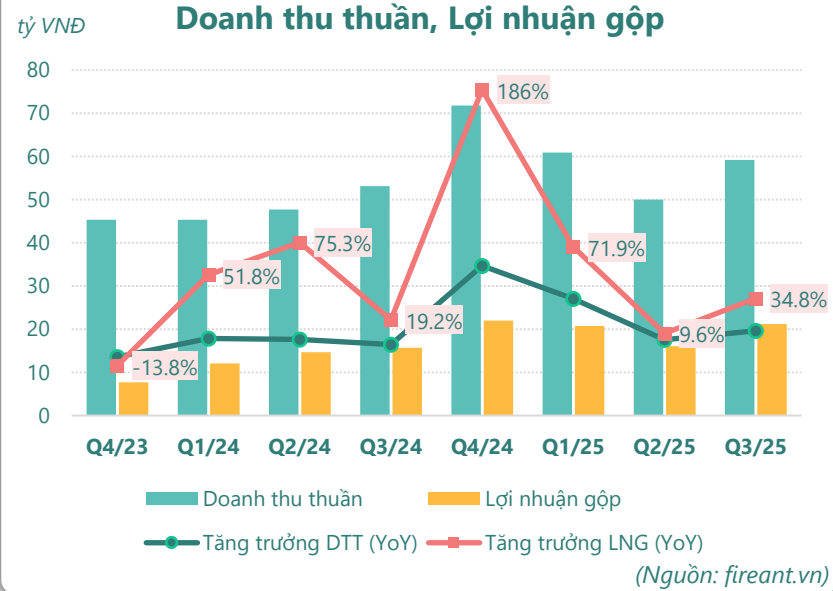
DT thuần 9T 2025
170
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 24.0 16.4%

LN thuần 9T 2025
5.86
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.16 58.6%

LN sau thuế 9T 2025
5.98
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.19 57.8%



KẾT QUẢ KINH DOANH



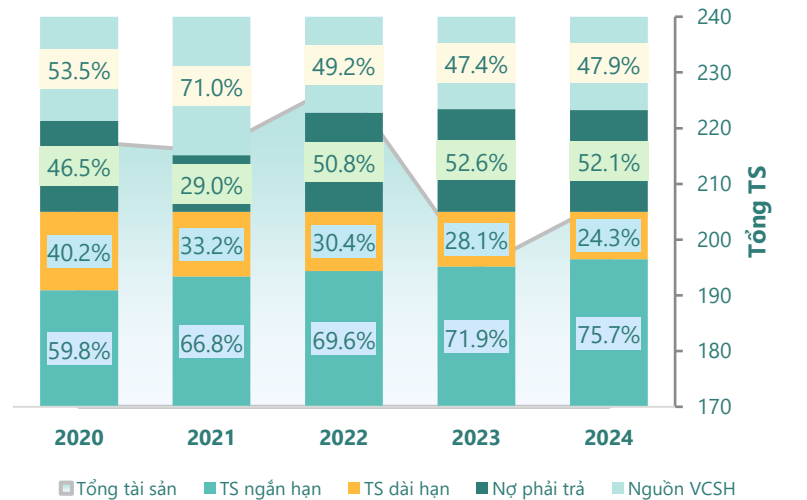


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

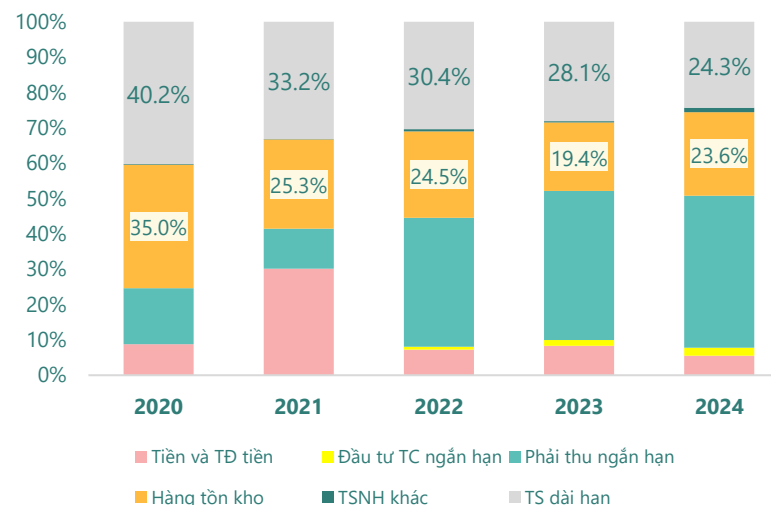
tỷ VNĐ

Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

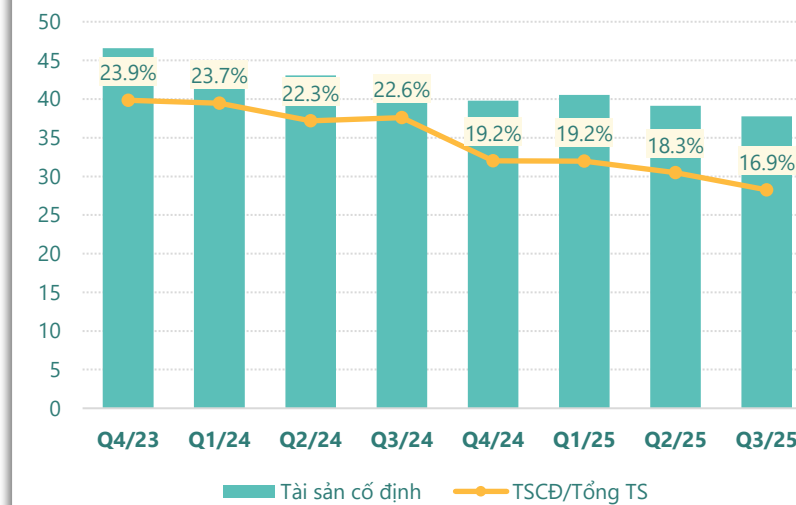
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

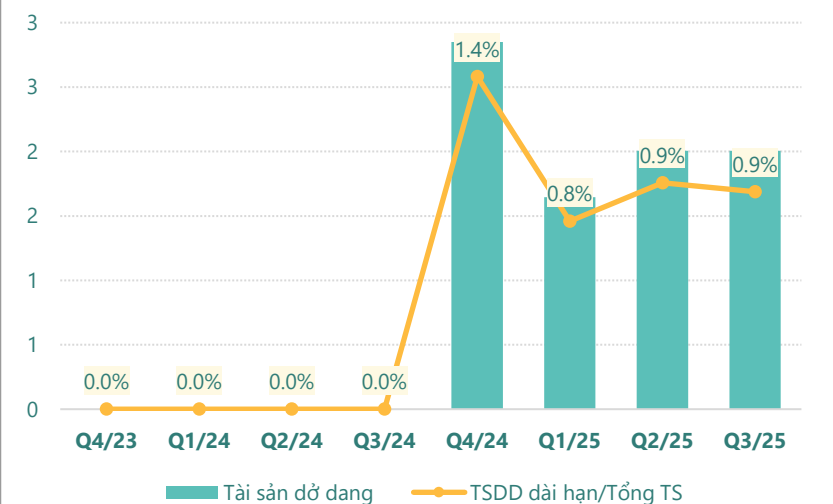
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

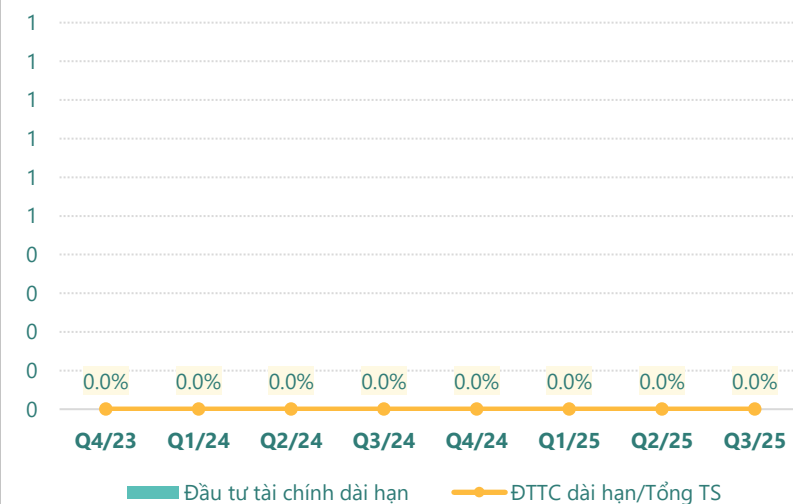
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

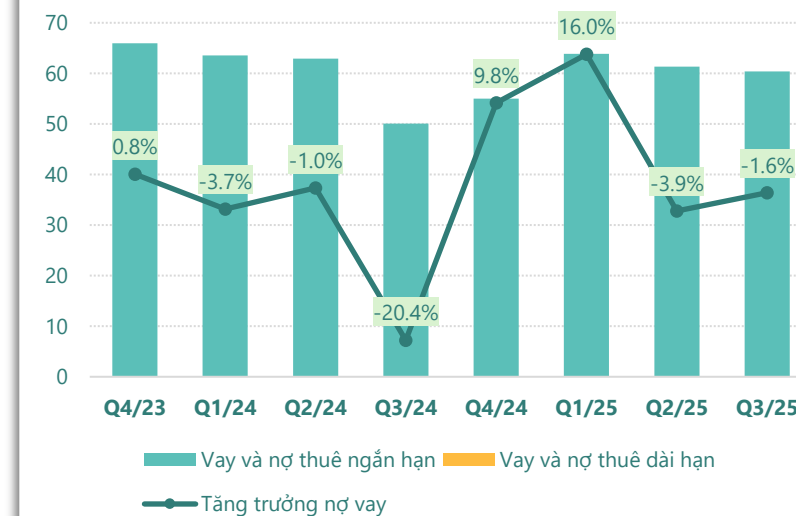
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

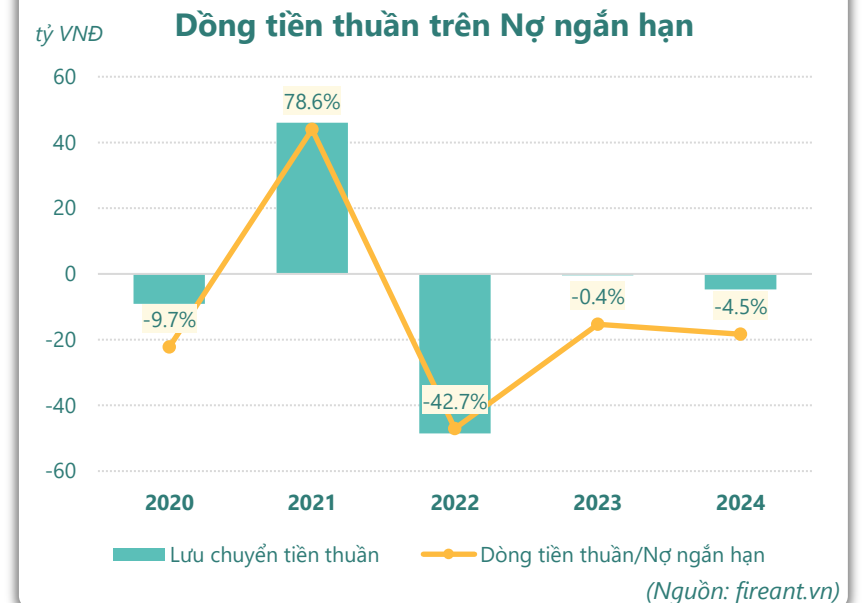
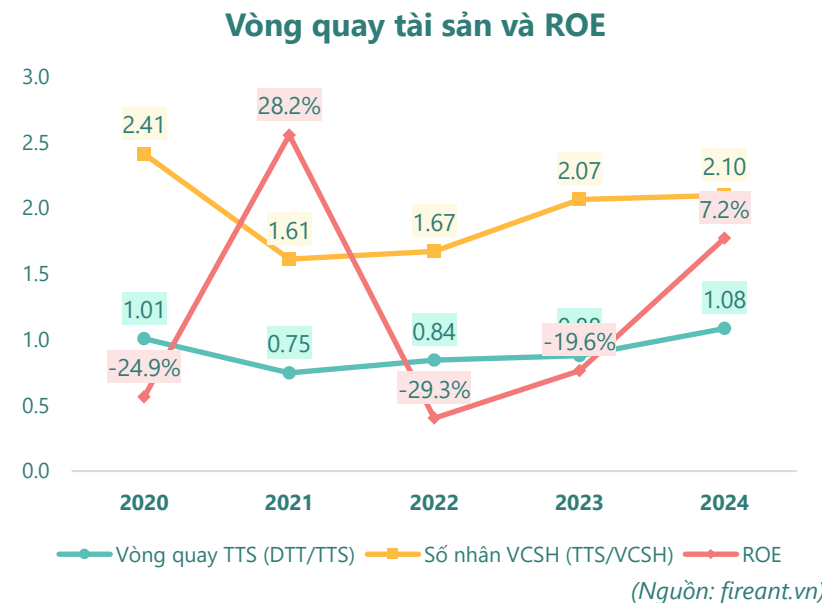
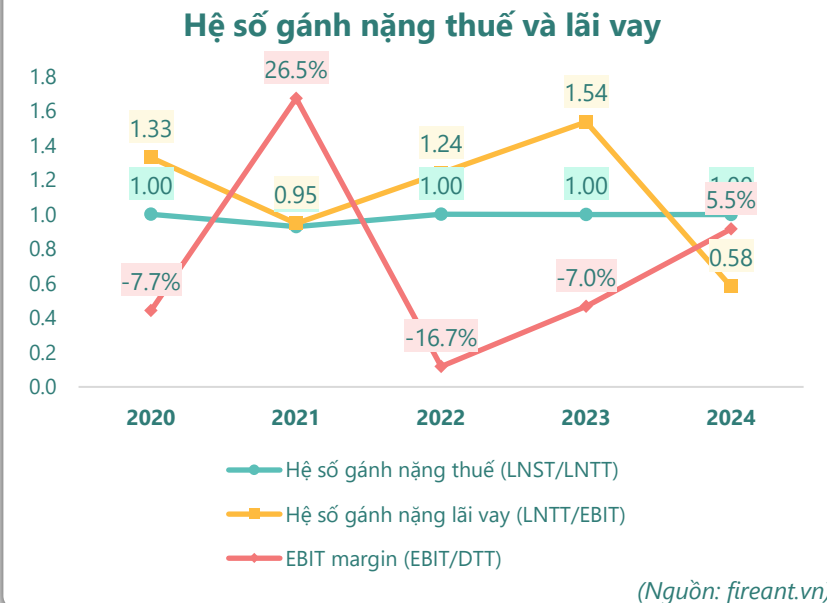
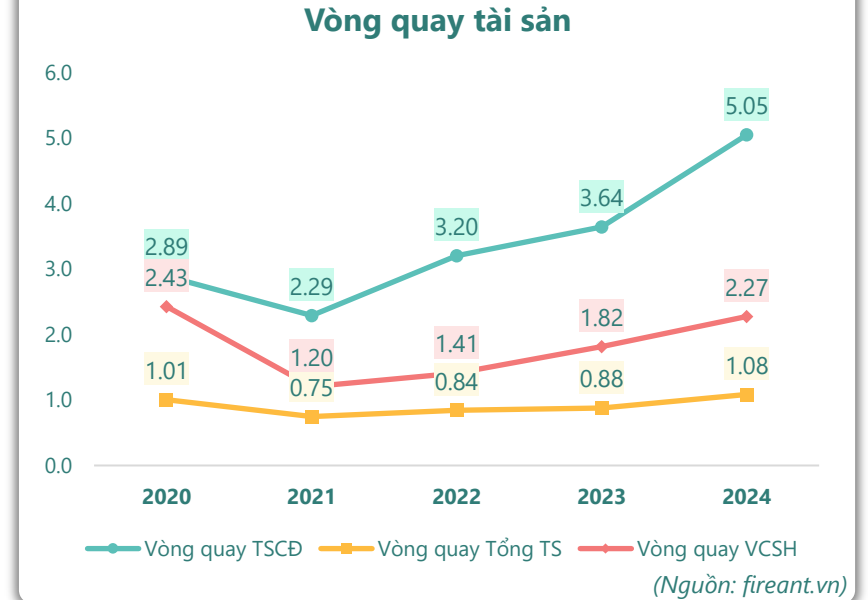
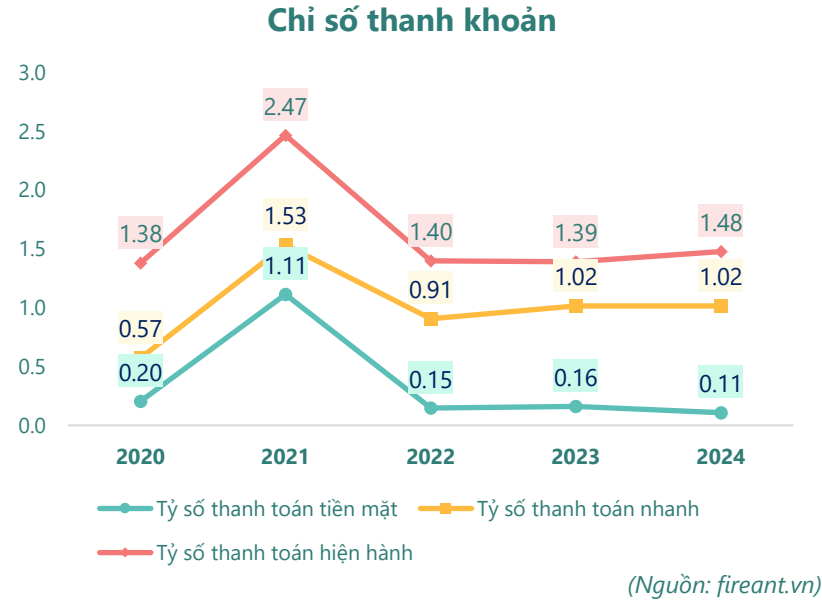
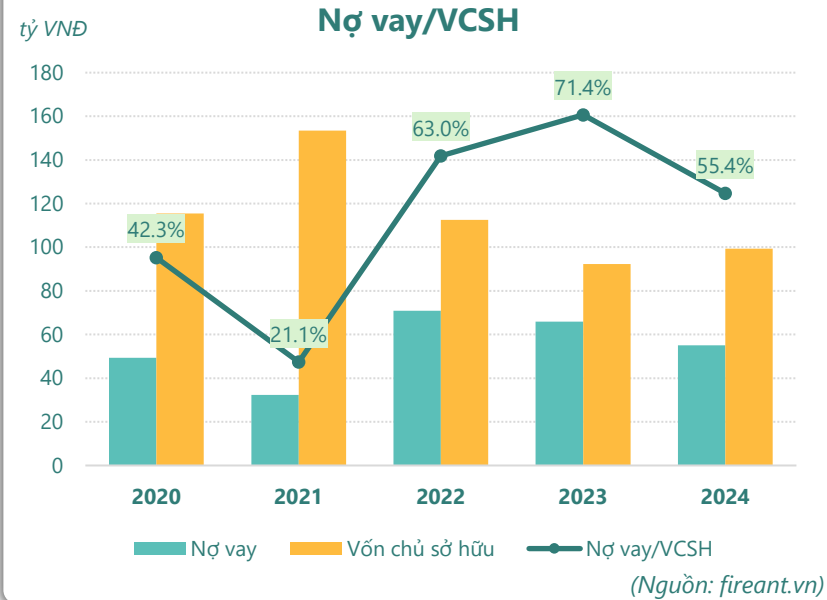
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	59.2	53.1	11.4%	170	146	16.4%
Giá vốn hàng bán	38.0	37.4	1.7%	112	104	8.1%
Lợi nhuận gộp	21.2	15.7	34.7%	57.9	42.4	36.6%
Doanh thu HĐTC	0.13	0.09	47.2%	0.76	0.31	147%
Chi phí TC	1.39	1.23	12.7%	3.44	4.44	-22.6%
Chi phí lãi vay	1.24	1.15	7.7%	2.92	4.01	-27.3%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	9.68	7.97	21.4%	29.3	20.5	42.7%
Chi phí QLDN	6.49	4.54	43.0%	20.1	14.0	43.1%
LN thuần từ HĐKD	3.73	2.04	82.8%	5.86	3.70	58.6%
Lợi nhuận khác	0.01	-0.08	112%	0.12	0.09	24.3%
LN trước thuế	3.74	1.96	90.8%	5.98	3.79	57.8%
LNST của CĐ cty mẹ	3.74	1.96	90.8%	5.98	3.79	57.8%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.03	9.59	-3.61	-3.05	-3.19	0.16
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.12	0.05	-2.32	-1.05	-0.21	-0.15
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.64	-12.8	4.93	8.80	3.84	-0.97
Tiền đầu kỳ	15.1	15.6	12.5	11.5	16.1	16.6
Lưu chuyển tiền thuần	0.51	-3.17	-1.00	4.70	0.44	-0.96
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	15.6	12.5	11.5	16.1	16.6	15.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	223	207	7.6%
Tài sản ngắn hạn	174	157	10.9%
Tiền và tương đương tiền	15.6	11.5	36.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.32	4.69	-8.0%
Phải thu ngắn hạn	101	89.1	12.8%
Hàng tồn kho	52.3	49.0	6.7%
Tài sản ngắn hạn khác	1.06	2.52	-57.9%
Tài sản dài hạn	49.1	50.4	-2.7%
Phải thu dài hạn	0.49	0.16	201%
Tài sản cố định	37.8	39.8	-5.0%
Bất động sản đầu tư	2.19	2.27	-3.6%
Tài sản dở dang	2.01	2.85	-29.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	6.60	5.37	22.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	112	108	3.9%
Nợ ngắn hạn	110	106	3.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	60.4	55.0	9.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	22.9	31.5	-27.4%
Nợ dài hạn	1.78	1.77	0.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	111	99.3	11.6%
Vốn chủ sở hữu	111	99.3	11.6%
Vốn điều lệ	133	127	5.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

